

Số: 55 /KH-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 17 tháng 4 năm 2023

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quyết định số 892/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển gắn với xây dựng các trung tâm kinh tế biển mạnh thời kỳ đến năm 2030

Căn cứ các mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp tại Quyết định số 892/QĐ- TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển gắn với xây dựng các trung tâm kinh tế biển mạnh thời kỳ đến năm 2030;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 800/SKHĐT-KX ngày 22 tháng 3 năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Cụ thể hóa các mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp đã được Thủ tướng Chính phủ đề ra và phân công thực hiện tại Quyết định số 892/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ nhằm khai thác, phát huy hiệu quả tiềm năng lợi thế của tỉnh; đồng thời phối hợp, liên kết với các địa phương trong vùng để thúc đẩy phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển gắn với xây dựng các trung tâm kinh tế biển mạnh thời kỳ đến năm 2030 và góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước.

2. Phân công trách nhiệm cụ thể, rõ ràng cho từng cơ quan, đơn vị gắn với công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát nhằm phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo của từng ngành, địa phương.

3. Phân đầu một số mục tiêu cụ thể đến năm 2030:

- Phối hợp với các bộ, ngành Trung ương và các địa phương liên quan phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển ở Vùng Đông Nam Bộ mở rộng (thuộc vùng biển và ven biển: Bình Thuận - Bà Rịa - Vũng Tàu - Đông Nam thành phố Hồ Chí Minh - Tiền Giang) với khu vực trọng điểm phát triển ở Bà Rịa - Vũng Tàu - Đông Nam thành phố Hồ Chí Minh gắn với xây dựng là trung tâm kinh tế biển mạnh có tầm quốc tế hàng đầu ở Đông Nam Á.

- Tốc độ tăng trưởng GRDP (trừ dầu thô và khí đốt) bình quân giai đoạn 2021 - 2030 khoảng 8,1 - 8,6%.

- Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp - xây dựng 58,5 - 60% (riêng công nghiệp chế biến, chế tạo 43 - 45%); Dịch vụ 29 - 29,5%; Nông, lâm nghiệp, thủy sản 6 - 6,5%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp 6,5 - 6,7%.

II. CÁC PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN

1. Phương hướng phát triển chung:

a) Phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển với các thành phần chủ yếu gồm doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp nước ngoài, các tổ chức, cơ sở cung ứng dịch vụ, hạ tầng chuyên dụng kinh tế biển, các tổ chức hiệp hội doanh nghiệp, thương mại, hội ngành nghề liên quan và tham gia của các cấp, ngành nhất là của các địa phương ven biển. Phát triển trên cơ sở nhu cầu hoạt động, hợp tác của doanh nghiệp, tổ chức, cơ sở kinh tế và yêu cầu phát triển bền vững không phụ thuộc vào ranh giới hành chính. Liên kết ngành, doanh nghiệp, cơ sở hoạt động ở ven biển và trên biển đảo gắn với kết nối với mạng lưới cơ sở liên quan ở trong nội địa, kết nối liên kết giữa các cụm liên kết ngành và với quốc tế.

b) Phát triển cụm liên kết ngành với các ngành ưu tiên theo Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam có lợi thế phát triển tại vùng biển và ven biển nhất là các ngành sản phẩm, dịch vụ kinh tế biển có chuỗi giá trị gia tăng lớn, ứng dụng công nghệ cao, đóng góp vào tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường sinh thái biển, ngành nghề kinh tế biển góp phần củng cố tăng cường quốc phòng, an ninh vùng biển đảo. Trong đó, phát triển du lịch biển, đảo là một trong những trọng tâm ưu tiên trên cơ sở liên kết phát triển khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh về tài nguyên du lịch của từng địa phương, vùng. Đặc biệt phát triển mạnh kinh tế du lịch với các trung tâm, khu tổ hợp du lịch sinh thái, giải trí, nghỉ dưỡng biển, đảo có chất lượng cao, mang tầm quốc tế ở những khu vực vùng biển có điều kiện phù hợp.

c) Phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển trước hết ở những khu vực trọng điểm, có lợi thế gắn với xây dựng thành trung tâm kinh tế biển mạnh đa ngành của quốc gia có sức cạnh tranh hội nhập quốc tế cao và từng bước mở rộng ra toàn vùng. Chú trọng phát triển, liên kết ngành gắn với xây dựng trung tâm kinh tế biển lưỡng dụng kết hợp kinh tế với quốc phòng tại những khu vực trọng điểm về quốc phòng an ninh biển đảo của đất nước. Tập trung tạo dựng, hình thành các khu vực thu hút phát triển mạnh các doanh nghiệp, cơ sở hoạt động kinh tế biển có liên quan với nhau cùng nhau hoạt động và liên kết hợp tác sản xuất kinh doanh tạo thành trung tâm kinh tế biển của quốc gia về ngành, đa ngành kinh tế biển gắn với các khu cảng biển quốc tế, thành phố lớn ven biển, vùng du lịch, vùng khai thác sản xuất lớn ở ven biển, trên biển. Khuyến khích thu hút các doanh nghiệp lớn, dự án đầu tư có quy mô lớn, ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến ở những khu vực trọng điểm tạo hạt nhân, động lực phát triển và lan tỏa mở rộng cụm liên kết ngành kinh tế biển.

d) Phát triển mạnh các tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở dịch vụ biển, dịch vụ gắn với kinh tế biển đạt chuẩn quốc tế, tầm quốc tế như dịch vụ hậu cần cảng biển, hàng hải, logistics, dịch vụ hậu cần, kỹ thuật trên biển, tìm kiếm cứu hộ cứu nạn, y tế biển, bảo vệ môi trường biển, dịch vụ an toàn cho các hoạt động trên biển, dịch vụ khảo sát, nghiên cứu biển, dịch vụ khoa học công nghệ, đào tạo nhân lực kỹ thuật ngành nghề kinh tế biển, dịch vụ thương mại, tài chính liên quan đến kinh tế biển tại các khu vực trọng điểm trung tâm phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển, xây dựng phát triển là các trung tâm dịch vụ hàng hải, dịch vụ biển, dịch vụ

kinh tế biển của vùng, cả nước và có tầm quốc tế.

đ) Phối hợp các cấp, ngành xây dựng hoàn thiện cơ chế, chính sách, mô hình quản lý; tổ chức bố trí, sắp xếp không gian các hoạt động, xây dựng, kết nối cơ sở hạ tầng tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển, bảo đảm hài hòa giữa bảo tồn và phát triển, khai thác sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên biển, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra tại từng khu vực vùng biển và ven biển. Gắn phát triển cụm liên kết ngành với cơ cấu lại ngành nghề kinh tế biển, hình thành các mô hình phát triển bền vững kinh tế biển như các khu cảng xanh, khu công nghiệp sinh thái, vùng khai thác, sản xuất kết hợp với bảo tồn hệ sinh thái biển.

2. Phương hướng, nhiệm vụ phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển ở vùng Đông Nam Bộ mở rộng (thuộc vùng biển và ven biển: Bình Thuận - Bà Rịa - Vũng Tàu - Đông Nam thành phố Hồ Chí Minh - Tiền Giang) với khu vực trọng điểm phát triển ở Bà Rịa - Vũng Tàu - Đông Nam thành phố Hồ Chí Minh gắn với xây dựng là trung tâm kinh tế biển mạnh có tầm quốc tế hàng đầu ở Đông Nam Á. Phát triển với các ngành lĩnh vực ưu tiên:

- Cảng biển container trung chuyển quốc tế, trong nước; vận tải biển viễn dương và các dịch vụ hậu cần cảng biển, hàng hải, dịch vụ khai thác dầu khí trên biển, dịch vụ logistics liên vùng, quốc tế với trung tâm là khu vực cảng biển Cái Mép Thị Vải - Sao Mai Bến Đình. Phát triển các dịch vụ tư vấn, chuyên giao công nghệ, thiết kế, kiểm định sản phẩm, dịch vụ đào tạo chuyên sâu ngành nghề kinh tế biển có tầm quốc tế ở khu vực thành phố Vũng Tàu.

- Công nghiệp đóng tàu biển, cấu kiện nội phục vụ kinh tế và quốc phòng an ninh, công nghiệp lọc hóa dầu, chế biến sản phẩm từ dầu khí, công nghiệp hóa chất; công nghiệp cơ khí chế tạo, công nghiệp dệt may, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng xuất khẩu, chế biến thủy sản tập trung tại các khu công nghiệp gắn với cảng biển; công nghiệp năng lượng tái tạo ở ven biển Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Du lịch sinh thái, giải trí, nghỉ dưỡng biển có tầm quốc tế. Liên kết phát triển vùng du lịch biển và du lịch văn hóa giải trí đô thị Nam Bà Rịa - Vũng Tàu - thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm du lịch quốc tế lớn trong khu vực. Hình thành các khu du lịch sinh thái, du lịch khu bảo tồn thiên nhiên quốc gia ở Côn Đảo.

- Phát triển nghề cá xa bờ, nuôi trồng hải sản giá trị hàng hóa cao gắn kết với dịch vụ thương mại nghề cá và chế biến xuất khẩu với trung tâm dịch vụ nghề cá ở thành phố Vũng Tàu và các khu căn cứ dịch vụ hậu cần trên biển tại Côn Đảo.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Phối hợp với các bộ, ngành Trung ương xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi về thuế, tín dụng, sử dụng đất, mặt nước, hỗ trợ kỹ thuật, chuyên giao công nghệ để thu hút doanh nghiệp, thành phần kinh tế đầu tư hoạt động và liên kết hợp tác với nhau hình thành cụm liên kết ngành kinh tế biển. Trước hết, nhanh chóng phối hợp với các bộ, ngành Trung ương xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù cho thu hút các tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp lớn làm hạt nhân thúc đẩy phát triển cụm liên kết ngành. Đổi mới hoàn thiện cơ chế quản lý, mô hình phát triển kinh tế biển, thí điểm phát triển các mô hình có mức độ quốc tế hóa cao

gắn với cảng biển đầu mối, đô thị lớn ven biển để thu hút mạnh các nhà đầu tư, doanh nghiệp và cơ sở dịch vụ hoạt động tập trung và liên kết cộng tác với nhau trong sản xuất kinh doanh.

2. Lồng ghép nội dung nhiệm vụ phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển vào quy hoạch quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị có liên quan. Chú trọng thực hiện bố trí quy hoạch, sắp xếp các khu vực, không gian hoạt động ven biển và trên biển, đảo cho thu hút doanh nghiệp, cơ sở kinh tế hoạt động tập trung theo ngành kinh tế biển, đa ngành kinh tế biển có liên quan với nhau đi kèm với thực hiện các cơ chế, chính sách khuyến khích thu hút đầu tư và khuyến khích doanh nghiệp, cơ sở hoạt động liên kết hợp tác với nhau, sắp xếp, bố trí kết nối cơ sở hạ tầng kinh tế biển, liên kết không gian phát triển các khu cảng biển, khu công nghiệp tập trung, vùng sản xuất, vùng du lịch, đô thị ven biển tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động và liên kết hợp tác sản xuất kinh doanh, hình thành trung tâm kinh tế biển mạnh. Bố trí phát triển các đô thị dịch vụ cảng biển, đô thị công nghiệp gắn với cảng biển, đô thị du lịch biển, đô thị nghề cá, khu đô thị khoa học công nghệ biển có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại tạo sức hấp dẫn cao doanh nghiệp đến tập trung hoạt động và đáp ứng điều kiện nhà ở, dịch vụ tiện ích đời sống cho người lao động.

3. Phối hợp với các bộ, ngành Trung ương xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi phát triển các trung tâm khoa học công nghệ biển, khu nghiên cứu biển gắn với bảo tồn biển, khu công nghệ cao kinh tế biển, các cơ sở khoa học công nghệ, cơ sở đào tạo nhân lực kỹ thuật chuyên sâu về lĩnh vực biển, kinh tế biển có tầm quốc tế và khuyến khích liên kết hợp tác với doanh nghiệp. Khẩn trương rà soát lựa chọn, tập trung hỗ trợ phát triển một số cơ sở khoa học công nghệ, cơ sở đào tạo, trung tâm nghiên cứu, thiết kế, kiểm định sản phẩm đạt chuẩn quốc tế làm nòng cốt cho phát triển các cụm liên kết ngành kinh tế biển. Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, phát triển mạng hạ tầng kết nối Internet Vạn vật IoT phục vụ liên kết ngành, doanh nghiệp, cơ sở kinh tế biển. Hình thành các trung tâm công nghiệp công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu lớn phục vụ doanh nghiệp và các tổ chức tham gia phát triển kinh tế biển.

4. Phối hợp với các bộ, ngành Trung ương tạo lập cơ chế, chính sách thông thoáng cho phát triển và cộng tác giữa các doanh nghiệp, thành phần trong ngành kinh tế biển và liên quan đến kinh tế biển. Trước hết, phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương xây dựng cơ chế phối hợp giữa các địa phương trong tổ chức liên kết ngành, liên kết mạng lưới doanh nghiệp ở phạm vi liên tỉnh theo cụm liên kết ngành kinh tế biển. Phối hợp với các tổ chức hiệp hội liên quan tổ chức các kênh, các hoạt động kết nối giao lưu, hợp tác giữa các doanh nghiệp, tổ chức, nhà đầu tư trong lĩnh vực kinh tế biển ở phạm vi liên tỉnh và với quốc tế. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức hiệp hội doanh nghiệp, hội ngành nghề kinh tế biển thiết lập, mở rộng quan hệ đối tác, hợp tác với các đối tác liên quan ở nước ngoài, tham gia vào mạng lưới cụm liên kết ngành kinh tế biển, tổ chức hiệp hội ngành nghề kinh tế biển quốc tế, khu vực.

5. Củng cố, tăng cường năng lực thực thi pháp luật, quốc phòng, an ninh trên các vùng biển đảo, bảo vệ an toàn, an ninh, bảo vệ quyền hoạt động trên biển theo

pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế cho doanh nghiệp, cơ sở kinh tế biển tạo môi trường thuận lợi phát triển các cụm liên kết ngành kinh tế biển. Khẩn trương xây dựng hoàn thiện cơ chế phối hợp, liên kết các thành phần trong phát triển kinh tế biển gắn với tăng cường quốc phòng, an ninh biển đảo. Phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương xây dựng cơ chế, chính sách huy động nguồn lực nâng cao hiệu quả phát triển các khu kinh tế quốc phòng trọng điểm trên vùng biển đảo, xây dựng một số đảo thành các trung tâm kinh tế - khoa học công nghệ - quốc phòng theo mô hình đa năng, tự chủ một phần về kinh tế, hoạt động kết hợp kinh tế với quốc phòng trên biển.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các đơn vị liên quan:

- Phối hợp với các bộ, ngành Trung ương xây dựng, đề xuất cơ chế, chính sách, chương trình, dự án phát triển thực hiện Đề án trong phạm vi địa phương và liên kết liên tỉnh.

- Lồng ghép nội dung thực hiện Đề án vào các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển của địa phương.

- Chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của ngành, địa phương mình; kịp thời xử lý hoặc báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý các vấn đề phát sinh.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện Đề án, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động liên kết hợp tác sản xuất kinh doanh, hội nhập quốc tế, bảo đảm an toàn, an ninh trong phát triển các cụm liên kết ngành kinh tế biển.

- Trong quá trình thực hiện, kịp thời đề xuất các nội dung điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tiễn gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao; định kỳ hằng năm tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 25 tháng 11 để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan luân phiên giữa các địa phương trong vùng Đông Nam Bộ mở rộng tổ chức thực hiện phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển gắn với xây dựng trung tâm kinh tế biển mạnh của quốc gia.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan huy động nguồn lực, thu hút đầu tư trong và ngoài nước để thực hiện Đề án.

- Theo dõi, tổng hợp đánh giá tình hình thực hiện hằng năm của tỉnh, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 05 tháng 12 hàng năm.

3. Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh, Ngân hàng Nhà nước tỉnh: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện cơ chế, chính sách thuộc lĩnh vực thuế, tín

dụng để khuyến khích thu hút doanh nghiệp, thành phần kinh tế hoạt động tập trung và liên kết hợp tác với nhau theo Đề án.

4. Sở Công Thương:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các giải pháp phát triển công nghiệp đóng tàu biển, cấu kiện nổi phục vụ kinh tế và quốc phòng an ninh, công nghiệp lọc hóa dầu, chế biến sản phẩm từ dầu khí, công nghiệp hóa chất; công nghiệp cơ khí chế tạo, công nghiệp dệt may, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng xuất khẩu, chế biến thủy sản tập trung tại các khu công nghiệp gắn với cảng biển; công nghiệp năng lượng tái tạo ở ven biển Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện chương trình thực hiện Đề án về liên kết ngành trong lĩnh vực công nghiệp.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các giải pháp phát triển nghề cá xa bờ, nuôi trồng hải sản giá trị hàng hóa cao gắn kết với dịch vụ thương mại nghề cá và chế biến xuất khẩu với trung tâm dịch vụ nghề cá ở thành phố Vũng Tàu và các khu căn cứ dịch vụ hậu cần trên biển tại Côn Đảo.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện chương trình thực hiện Đề án về liên kết ngành khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản và dịch vụ liên quan.

6. Sở Du lịch:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các giải pháp phát triển du lịch sinh thái, giải trí, nghỉ dưỡng biển có tầm quốc tế.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện chương trình thực hiện Đề án về liên kết ngành trong lĩnh vực du lịch và dịch vụ liên quan.

7. Sở Giao thông vận tải:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các giải pháp phát triển cảng biển container trung chuyển quốc tế, trong nước; vận tải biển viễn dương và các dịch vụ hậu cần cảng biển, hàng hải, dịch vụ khai thác dầu khí trên biển, dịch vụ logistics liên vùng, quốc tế với trung tâm là khu vực cảng biển Cái Mép Thị Vải - Sao Mai Bến Đình.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện chương trình thực hiện Đề án về liên kết ngành trong lĩnh vực hàng hải và dịch vụ liên quan.

8. Sở Khoa học và Công nghệ:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện cơ chế, chính sách về hỗ trợ kỹ thuật, chuyên gia công nghệ để khuyến khích thu hút doanh nghiệp, thành phần kinh tế hoạt động tập trung và liên kết hợp tác với nhau theo Đề án.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện chương trình thực hiện Đề án về liên kết ngành dịch vụ khoa học công nghệ và với doanh nghiệp.

9. Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện chương trình thực hiện Đề án về

liên kết ngành dịch vụ đào tạo, giáo dục nghề nghiệp.

10. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện cơ chế, chính sách về sử dụng đất, mặt nước để khuyến khích thu hút doanh nghiệp, thành phần kinh tế hoạt động tập trung và liên kết hợp tác với nhau theo Đề án.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai lồng ghép nội dung thực hiện Đề án vào quy hoạch không gian biển và các chương trình, chính sách phát triển liên quan đến biển theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu về tài nguyên biển giữa các tỉnh trong cụm liên kết ngành kinh tế biển ở vùng Đông Nam Bộ mở rộng.

11. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện cơ chế, chính sách phát triển trung tâm kinh tế biển lưỡng dụng có sự liên kết tham gia nhiều thành phần.

12. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh: Tăng cường thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; Mở mới chuyên trang, chuyên mục trên sóng phát thanh, truyền hình để thúc đẩy phát triển cụm liên kết ngành kinh tế biển gắn với xây dựng các trung tâm kinh tế biển mạnh thời kỳ đến năm 2030.

13. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: Theo dõi, tình hình thực hiện Kế hoạch này, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh, bảo đảm thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này.

14. Đề nghị các cơ quan Đảng, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam - tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, các tổ chức chính trị - xã hội: Phối hợp chặt chẽ với cơ quan hành chính nhà nước các cấp, tăng cường giám sát thực thi công vụ, phản biện xã hội và đóng góp ý kiến, góp phần tạo đồng thuận trong công tác tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này của Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- TTr. Tỉnh ủy, TTr. HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các đoàn thể cấp tỉnh;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Báo Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, TH6.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thọ